

BẢN TIN PHÁP LUẬT SỐ 05

(Một số văn bản pháp luật có hiệu lực trong tháng 05/2020)

MỤC LỤC

I. LĨNH VỰC DOANH NGHIỆP.....	2
1. Nghị định 38/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Văn bản này có hiệu lực từ ngày: 20/5/2020)	2
II. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI	3
1. Nghị định 37/2020/NĐ-CP bổ sung Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Nghị định 118/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật đầu tư (Văn bản này có hiệu lực từ ngày: 15/5/2020).	3
2. Nghị định 35/2020/NĐ-CP Hướng dẫn luật cạnh tranh (Văn bản này có hiệu lực từ ngày: 15/5/2020).	3
THƯ NGỎ	9

I. LĨNH VỰC DOANH NGHIỆP

1. Nghị định 38/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Văn bản này có hiệu lực từ ngày: 20/5/2020)

Nội dung chính cần lưu ý:

- ✚ Phạm vi điều chỉnh: Nghị định này quy định về khu vực và công việc người lao động không được đến làm việc ở nước ngoài; giấy phép, điều kiện và thủ tục cấp, đổi giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; tiền ký quỹ, quản lý và sử dụng tiền ký quỹ của doanh nghiệp thực hiện hợp đồng nhận lao động thực tập; điều kiện hoạt động đưa người lao động đi làm việc tại lãnh thổ Đài Loan (Trung Quốc), đi thực tập kỹ năng tại Nhật Bản và đi làm giúp việc gia đình tại nước tiếp nhận thuộc khu vực Trung Đông; trách nhiệm của các cơ quan có liên quan.
- ✚ Đối tượng áp dụng: (1) Doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. (2) Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo các hình thức quy định tại Điều 6 của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. (3) Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.
- ✚ Khu vực người lao động không được đến làm việc ở nước ngoài là khu vực đang có chiến sự hoặc đang có nguy cơ xảy ra chiến sự, khu vực đang bị nhiễm xạ, khu vực bị nhiễm độc, khu vực đang có dịch bệnh đặc biệt nguy hiểm.
- ✚ Các công việc người lao động không được đến làm việc ở nước ngoài gồm: (1) Công việc massage làm việc tại các nhà hàng, khách sạn hoặc các trung tâm giải trí. (2) Công việc phải tiếp xúc thường xuyên với chất nổ, chất độc hại trong luyện quặng kim loại màu (đồng, chì, thủy ngân, bạc, kẽm), tiếp xúc thường xuyên với mangan, điôxit thủy ngân. (3) Công việc tiếp xúc với nguồn phóng xạ hở, khai thác quặng phóng xạ các loại. (4) Công việc sản xuất, bao gói phải tiếp xúc thường xuyên với các hóa chất axit nitric, natri sunfat, disunfua cacbon, các loại thuốc trừ sâu, diệt cỏ, diệt chuột, sát trùng, chống mối mọt có độc tính mạnh. (5) Công việc săn bắt thú dữ, cá sấu, cá mập. (6) Công việc thường xuyên ở nơi thiếu không khí, áp suất lớn (dưới lòng đất, lòng đại dương). (7) Công việc liệm, mai táng tử thi, thiêu xác chết, bốc mả mả.
- ✚ Chi tiết văn bản tại link dưới:

<https://luatvietnam.vn/lao-dong/nghi-dinh-38-2020-nd-cp-huong-dan-luat-nguoi-lao-dong-viet-nam-di-lam-viec-nuoc-ngoai-182168-d1.html>

II. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI

1. Nghị định 37/2020/NĐ-CP bổ sung Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Nghị định 118/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật đầu tư (Văn bản này có hiệu lực từ ngày: 15/5/2020).

Nội dung chính cần lưu ý:

✚ Bổ sung các hoạt động đầu tư kinh doanh theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa vào danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015, gồm:

- Đầu tư kinh doanh chuỗi phân phối sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- Đầu tư kinh doanh cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- Đầu tư kinh doanh cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- Đầu tư kinh doanh khu làm việc chung cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.
- Quy định này được bổ sung nhằm đảm bảo phù hợp với quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 33 Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 2017.

✚ Chi tiết văn bản tại link dưới:

<https://luatvietnam.vn/dau-tu/nghi-dinh-37-2020-nd-cp-bo-sung-danh-muc-nganh-nghe-uu-dai-dau-tu-182077-d1.html#chidanthaydoi>

2. Nghị định 35/2020/NĐ-CP Hướng dẫn luật cạnh tranh (Văn bản này có hiệu lực từ ngày: 15/5/2020).

Nội dung chính cần lưu ý:

✚ Phạm vi điều chỉnh: Nghị định này quy định chi tiết các Điều 9 (Xác định thị trường liên quan), Điều 10 (Xác định thị phần và thị phần kết hợp), Điều 13 (Đánh giá tác động hoặc khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể của thỏa thuận hạn chế cạnh tranh), Điều 26 (Xác định sức mạnh thị trường đáng kể), Điều 31 (Đánh giá tác động hoặc khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể của việc tập trung kinh tế), Điều 32 (Đánh giá tác động tích cực của việc tập trung kinh tế), Điều 33 (Thông báo tập trung kinh tế), Điều 36 (Thẩm định sơ bộ việc tập trung kinh tế), Điều 56 (Chứng cứ) và 82 (Áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính trong điều tra, xử lý vụ việc cạnh tranh) của Luật Cạnh tranh 2018.

✚ Đối tượng áp dụng: (a) Tổ chức, cá nhân kinh doanh (gọi chung là doanh nghiệp) bao gồm cả doanh nghiệp sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, doanh nghiệp hoạt động trong các ngành, lĩnh vực thuộc độc quyền nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh

ngành nước ngoài hoạt động tại Việt Nam; (b) Hiệp hội ngành, nghề hoạt động tại Việt Nam; (c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan.

✚ Nghị định làm rõ các khái niệm về thị trường sản phẩm liên quan và thị trường địa lý liên quan. Theo đó:

- Thị trường sản phẩm liên quan là thị trường của những hàng hóa, dịch vụ có thể thay thế cho nhau về **đặc tính** (như đặc điểm, thành phần, tính chất vật lý, hóa học, tính năng kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ...), **mục đích sử dụng** và **giá cả** (giá chênh lệch nhau không quá 5% trong điều kiện giao dịch tương tự).

- Thị trường địa lý liên quan là khu vực địa lý cụ thể trong đó có những hàng hóa, dịch vụ được cung cấp có thể thay thế cho nhau với các điều kiện cạnh tranh tương tự và có sự khác biệt đáng kể với các khu vực địa lý lân cận. Ranh giới của khu vực địa lý có thể được xác định dựa trên những căn cứ sau: Khu vực địa lý có cơ sở kinh doanh của doanh nghiệp tham gia phân phối hàng hóa, dịch vụ liên quan, Cơ sở kinh doanh của doanh nghiệp khác đóng trên khu vực địa lý lân cận đủ gần với khu vực địa lý quy định tại điểm a khoản này để có thể tham gia cạnh tranh với các hàng hóa, dịch vụ liên quan trên khu vực địa lý đó, Chi phí vận chuyển hàng hóa, cung ứng dịch vụ, Thời gian vận chuyển hàng hóa, cung ứng dịch vụ, Rào cản gia nhập, mở rộng thị trường, Tập quán tiêu dùng...

✚ Nguyên tắc xác định thị phần của doanh nghiệp trên thị trường liên quan (1) Thị phần của doanh nghiệp trên thị trường liên quan được xác định theo một trong các phương pháp quy định tại Điều 10 Luật Cạnh tranh.

✚ Doanh thu bán ra, doanh số mua vào, số đơn vị bán ra, mua vào đối với một loại hàng hóa, dịch vụ của nhóm doanh nghiệp liên kết được xác định như sau: (a) Doanh thu bán ra, doanh số mua vào, số đơn vị bán ra, mua vào đối với một loại hàng hóa, dịch vụ để xác định thị phần của nhóm doanh nghiệp liên kết được tính bằng tổng doanh thu bán ra, doanh số mua vào, số đơn vị bán ra, mua vào đối với loại hàng hóa, dịch vụ đó của tất cả doanh nghiệp trong nhóm doanh nghiệp liên kết; b) Doanh thu bán ra, doanh số mua vào, số đơn vị bán ra, mua vào đối với một loại hàng hóa, dịch vụ của nhóm doanh nghiệp liên kết không bao gồm doanh thu bán ra, doanh số mua vào, số đơn vị bán ra, mua vào từ việc bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ giữa các doanh nghiệp trong nhóm doanh nghiệp liên kết.

✚ Đánh giá tác động hoặc khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể của thỏa thuận hạn chế cạnh tranh được căn cứ vào một hoặc một số yếu tố sau:

- Diễn biến, xu hướng thay đổi mức thị phần của các doanh nghiệp tham gia thỏa thuận được đánh giá trong tương quan với các doanh nghiệp khác là đối thủ cạnh tranh không tham gia thỏa thuận.

- Rào cản gia nhập, mở rộng thị trường được đánh giá để xác định tác động hoặc khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh của thỏa thuận căn cứ vào những yếu tố ảnh hưởng đến việc quyết định của doanh nghiệp khi gia nhập, mở rộng thị trường.

- Hạn chế nghiên cứu, phát triển, đổi mới công nghệ hoặc hạn chế năng lực công nghệ được đánh giá để xác định tác động hoặc khả năng gây tác động của thỏa thuận hạn chế cạnh tranh đối với mục tiêu nghiên cứu, phát triển, đổi mới công nghệ hoặc nâng cao năng lực công nghệ trong ngành và lĩnh vực liên quan.

- Giảm khả năng tiếp cận, nắm giữ cơ sở hạ tầng thiết yếu được đánh giá căn cứ vào mức độ thiết yếu của cơ sở hạ tầng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và chi phí, thời gian để các doanh nghiệp là đối thủ cạnh tranh không tham gia thỏa thuận có thể tiếp cận, nắm giữ cơ sở hạ tầng đó hoặc cơ sở hạ tầng tương tự.

- Tăng chi phí, thời gian của khách hàng trong việc mua hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp tham gia thỏa thuận hoặc khi chuyển sang mua hàng hóa, dịch vụ liên quan khác được xác định bằng việc so sánh chi phí, thời gian cần thiết của khách hàng khi mua hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp tham gia thỏa thuận hoặc khi chuyển sang mua hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp là đối thủ cạnh tranh trước và sau khi có thỏa thuận.

Gây cản trở cạnh tranh trên thị trường thông qua kiểm soát các yếu tố đặc thù trong ngành, lĩnh vực liên quan đến các doanh nghiệp tham gia thỏa thuận được xác định dựa trên mức độ chi phối của các yếu tố đặc thù đó đối với hoạt động cạnh tranh của các doanh nghiệp trên thị trường.

✚ Xác định sức mạnh thị trường đáng kể của doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp được căn cứ trên các yếu tố như: Tương quan thị phần giữa các doanh nghiệp trên thị trường liên quan được đánh giá trên cơ sở so sánh thị phần giữa các doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp trên thị trường liên quan; Sức mạnh tài chính, quy mô của doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp được đánh giá căn cứ vào năng lực tài chính, khả năng tiếp cận nguồn vốn, tín dụng và các nguồn tài chính khác, tổng nguồn vốn, tổng tài sản, số lao động, quy mô sản xuất, mạng lưới phân phối, tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp đó trong tương quan với các doanh nghiệp khác là đối thủ cạnh tranh; Rào cản gia nhập, mở rộng thị trường đối với doanh nghiệp khác được đánh giá dựa trên những yếu tố ảnh hưởng đến việc quyết định của doanh nghiệp khi gia nhập, mở rộng thị trường

✚ Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong tố tụng cạnh tranh: (1) Những tình tiết, sự kiện rõ ràng mà mọi người đều biết và được Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh hoặc Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia thừa nhận. (2) Những tình tiết, sự kiện đã được ghi trong văn bản và được công chứng, chứng thực hợp pháp. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của tình tiết, sự kiện trong văn bản này thì Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia có thể yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đã cung cấp, giao nộp văn bản xuất trình văn bản gốc, bản chính. (3) Bên bị khiếu nại, bên bị điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản mà một bên đưa ra thì bên đưa ra tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản đó không phải chứng minh. Bên bị khiếu nại, bên bị điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có người đại diện tham gia tố tụng thì sự thừa nhận hoặc không phản đối của người đại diện được coi là sự thừa nhận của đương sự nếu không vượt quá phạm vi đại diện.

✚ Chi tiết văn bản tại link dưới:

<https://luatvietnam.vn/dau-thau/nghi-dinh-35-2020-nd-cp-huong-dan-luat-canh-tranh-181880-d1.html>

3. Nghị định 39/2020/NĐ-CP Nghị định Ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Cuba giai đoạn 2020 – 2023 (Văn bản này có hiệu lực ngày 20/5/2020)

Nội dung cần chú ý

- ✚ Phạm vi điều chỉnh: Nghị định này quy định thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Việt Nam - Cuba giai đoạn 2020 - 2023 và điều kiện được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo hiệp định này.
- ✚ Đối tượng áp dụng: (1) Người nộp thuế theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. (2) Cơ quan hải quan, công chức hải quan. (3) Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.
- ✚ Áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt quy định tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Việt Nam - Cuba giai đoạn 2020 - 2023 ban hành kèm theo Nghị định 39/2020/NĐ-CP đối với lượng hàng hóa nhập khẩu trong hạn ngạch thuế quan theo quy định của Bộ Công Thương nếu đáp ứng điều kiện theo quy định.
- ✚ Hàng hóa nhập khẩu được áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Hiệp định phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:
 1. Thuộc Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ban hành kèm theo Nghị định này.
 2. Được nhập khẩu từ Cuba vào Việt Nam.
 3. Được vận chuyển trực tiếp từ Cuba vào Việt Nam theo quy định của Hiệp định thương mại Việt Nam - Cuba, cụ thể:
 - a) Hàng hóa được vận chuyển không đi qua lãnh thổ của một Nước không phải là thành viên; hoặc
 - b) Hàng hóa được vận chuyển với mục đích quá cảnh qua một Nước không phải là thành viên bao gồm hoặc không bao gồm chuyển tải hoặc lưu kho tạm thời tại Nước đó, với các điều kiện sau:
 - Việc quá cảnh vì lý do địa lý, giao nhận hoặc yêu cầu về vận tải;
 - Hàng hóa không tham gia vào giao dịch thương mại hoặc tiêu thụ tại lãnh thổ của Nước không phải là thành viên; và

- Hàng hóa không trải qua bất kỳ công đoạn sản xuất hoặc gia công chế biến khác bên ngoài lãnh thổ của Nước không phải là thành viên, ngoại trừ việc dỡ hàng, bốc lại hàng và chia tách lô hàng hay bất kỳ công đoạn cần thiết nào nhằm bảo quản hàng hóa trong tình trạng tốt.

4. Đáp ứng các quy định về xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại Việt Nam - Cuba và có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) Mẫu VN-CU.

✚ Chi tiết văn bản tại link dưới:

<https://luatvietnam.vn/thue/nghi-dinh-39-2020-nd-cp-bieu-thue-nhap-khau-uu-dai-dac-biet-voi-cu-ba-182226-d1.html>

4. Thông tư 15/2020/TT-BTC Hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng tem đối với rượu để sản xuất tiêu thụ trong nước và rượu nhập khẩu (Văn bản này có hiệu lực ngày 07/5/2020)

Nội dung cần lưu ý:

- ✚ **Phạm vi điều chỉnh:** quy định chi tiết Điều 35 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về việc in, phát hành, quản lý, sử dụng tem đối với rượu sản xuất để tiêu thụ trong nước và rượu nhập khẩu (sau đây gọi là tem rượu).
- ✚ **Đối tượng áp dụng:** áp dụng đối với thương nhân kinh doanh rượu và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến kinh doanh rượu.
- ✚ Rượu nhập khẩu và rượu sản xuất trong nước phải được đóng thành chai (bao gồm cả hũ, bình, lọ, can, túi, hộp, thùng), dưới đây gọi chung là chai. Mỗi chai được dán một (01) con tem. Trường hợp chai rượu có sử dụng màng bóng kính bọc bên ngoài thì tem phải được dán vào chai trước khi được đóng màng bóng kính phủ bên ngoài. Mẫu tem rượu nhập khẩu, mẫu tem rượu sản xuất trong nước do Bộ Tài Chính quy định.
- ✚ Đối với rượu đóng chai nhập khẩu qua các cửa khẩu: Doanh nghiệp thực hiện và tự chịu trách nhiệm việc dán tem rượu nhập khẩu tại cơ sở của doanh nghiệp và báo cáo với cơ quan Hải quan nơi đăng ký làm thủ tục nhập khẩu số lượng thực sử dụng (ghi rõ số sêri tem) trước khi thông quan.
- ✚ Đối với rượu thành phẩm dạng thùng, tét nhập khẩu về đóng chai trong nước: Doanh nghiệp thực hiện và tự chịu trách nhiệm việc dán tem rượu nhập khẩu tại cơ sở đóng chai trước khi đưa ra thị trường để tiêu thụ.
- ✚ Đối với rượu sản xuất trong nước: tổ chức, cá nhân có Giấy phép sản xuất rượu (bao gồm Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp) để tiêu thụ trong nước, sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân sản xuất rượu trong nước phải thực hiện dán tem đúng quy định cho sản phẩm rượu sản xuất tại địa điểm sản xuất sau khi rượu được đóng chai và trước khi đưa sản phẩm rượu đi tiêu thụ trong nước.

- Chi tiết văn bản tại link dưới:

<https://luatvietnam.vn/thuong-mai/thong-tu-15-2020-tt-btc-huong-dan-in-phat-hanh-quan-ly-va-su-dung-tem-ruou-182084-d1.html>

5. Thông tư 02/2020/TT-NHNN Hướng dẫn hoạt động thanh toán và chuyển tiền liên quan đến kinh doanh chuyển khẩu hàng hóa (Văn bản có hiệu lực ngày 15/5/2020)

Nội dung cần chú ý:

- Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này hướng dẫn hoạt động thanh toán và chuyển tiền liên quan đến giao dịch vãng lai là kinh doanh chuyển khẩu hàng hóa của thương nhân Việt Nam.
- Đối tượng áp dụng: (1) Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối (sau đây gọi là ngân hàng được phép)(2) Thương nhân Việt Nam tham gia hoạt động kinh doanh chuyển khẩu hàng hóa (trừ thương nhân Việt Nam là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) (sau đây gọi là thương nhân) (3) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động thanh toán và chuyển tiền cho các giao dịch kinh doanh chuyển khẩu hàng hóa.
- Mọi hoạt động thanh toán và chuyển tiền liên quan đến kinh doanh chuyển khẩu hàng hóa phải thực hiện thông qua ngân hàng được phép. Thương nhân chỉ được thanh toán và chuyển tiền trong cùng một giao dịch kinh doanh chuyển khẩu theo hợp đồng mua hàng hóa và hợp đồng bán chính hàng hóa đó tại cùng một ngân hàng được phép.
- Thương nhân được sử dụng ngoại tệ trên tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của thương nhân đó, ngoại tệ mua của ngân hàng được phép để chuyển ra nước ngoài thanh toán cho các hợp đồng mua hàng hóa.
- Trách nhiệm của thương nhân (1) Xuất trình chứng từ theo quy định của ngân hàng được phép khi mua ngoại tệ, thanh toán và chuyển tiền phục vụ kinh doanh chuyển khẩu hàng hóa và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các loại giấy tờ, chứng từ đã xuất trình cho ngân hàng được phép. (2) Cung cấp thông tin nguồn tiền nhận về từ hợp đồng bán hàng hóa để ngân hàng được phép thống kê, theo dõi được số liệu chuyển tiền ra và nhận tiền về trong cùng một giao dịch kinh doanh chuyển khẩu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin đã cung cấp cho ngân hàng được phép.
- Chi tiết văn bản tại link dưới:
<https://luatvietnam.vn/tai-chinh/thong-tu-02-2020-tt-nhnn-thanh-toan-va-chuyen-tien-kinh-doanh-chuyen-khau-hang-hoa-182096-d1.html>

THƯ NGỎ

Kính gửi: Quý doanh nghiệp

Cùng với sự phát triển không ngừng của nền kinh tế toàn cầu, hàng loạt doanh nghiệp mới được thành lập với nhiều mô hình kinh doanh khác nhau, điều kiện giao thương giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước được đẩy lên một tầm cao mới, tạo ra những cơ hội cũng như những thách thức không nhỏ cho các doanh nghiệp.

Có một thực tế là hiện nay phần lớn các doanh nghiệp phải tập trung toàn bộ trí và lực để tìm kiếm lợi nhuận, quan tâm nhiều đến các yếu tố thương mại nên chưa giành đủ nguồn lực cho việc hoàn thiện khung pháp lý trong quá trình hoạt động kinh doanh của mình. Từ đó dẫn đến các rủi ro, tranh chấp phát sinh, kéo theo những vụ kiện tụng kéo dài làm tổn hại rất nhiều đến lợi ích kinh tế cũng như uy tín của doanh nghiệp.

Với hơn 15 năm kế thừa và phát triển trong lĩnh vực tư vấn pháp luật và tham gia tố tụng, BDS LAW luôn mong muốn trở thành người bạn đồng hành cùng các doanh nghiệp trong và ngoài nước, tạo ra hành lang pháp lý vững chắc cho các doanh nghiệp, hạn chế đến mức thấp nhất các rủi ro, xử lý một cách chuyên nghiệp các vấn đề phát sinh trong hoạt động, góp phần hỗ trợ các doanh nghiệp vững tâm và tập trung vào những mục tiêu chính trên con đường phát triển của mình.

Lĩnh vực tư vấn pháp luật thường xuyên của BDS LAW cho các doanh nghiệp gồm:

1. Tư vấn soạn thảo hợp đồng mua bán, hợp đồng dịch vụ, thương mại, hợp đồng EPC, EPCC, BCC, BC...; Thẩm định tính pháp lý; Tham gia đàm phán, ký kết hợp đồng.
2. Tư vấn lựa chọn mô hình tổ chức doanh nghiệp; thủ tục thành lập mới/thay đổi đăng ký hoạt động doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện; Tư vấn pháp luật về thuế.
3. Tư vấn về hoạt động chia, tách, sáp nhập doanh nghiệp; nhượng quyền thương mại.
4. Tư vấn về đầu tư; hợp tác đầu tư; chuyển nhượng dự án bất động sản.
5. Tư vấn soạn thảo điều lệ, nội quy, quy chế trong tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp.
6. Tư vấn pháp luật về đấu thầu, đầu khí, xây dựng, lao động...

Việc tư vấn được thực hiện thường xuyên, liên tục thông qua các hình thức:

1. Thư điện tử; điện thoại;
2. Bảng văn bản gửi qua đường bưu điện/Fax;

3. Trao đổi, đối thoại trực tiếp với doanh nghiệp.

Với mức phí dịch vụ chỉ từ 500.000đồng/giờ khi lựa chọn dịch vụ tư vấn pháp luật thường xuyên của BDS LAW thay vì phải tổ chức, vận hành bộ phận pháp chế doanh nghiệp với chi phí tốn kém. Hoạt động sản xuất, kinh doanh của của doanh nghiệp sẽ được đảm bảo an toàn bởi khung pháp lý chặt chẽ thông qua hoạt động tư vấn, hỗ trợ của BDS LAW.

Ngoài dịch vụ tư vấn pháp luật thường xuyên, BDS LAW còn cung cấp dịch vụ pháp lý như: Đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp trong các quan hệ dân sự, kinh tế, hành chính và tranh tụng tại Tòa án với chi phí hợp lý theo thỏa thuận giữa các bên.

Với mục tiêu mang đến cho khách hàng dịch vụ tận tâm, chuyên nghiệp với sự mệnh bảo vệ công lý cùng đội ngũ luật sư, chuyên viên tư vấn giàu kinh nghiệm, chuyên sâu trong các lĩnh vực tư vấn và tranh tụng, BDS LAW tự tin mang đến sự an tâm và hài lòng cho Quý doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ của chúng tôi.

Trân trọng!

Chủ tịch công ty
Luật sư LÊ NGỌC MINH